

Số: **431** /BC-UBND

Bắc Kạn, ngày **13** tháng **7** năm **2021**

**BÁO CÁO**

**Tình hình kết quả xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt  
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện khoản 5 Điều 87 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019, UBND tỉnh Bắc Kạn báo cáo kết quả xử lý nợ trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

**I. CĂN CỨ THỰC HIỆN**

- Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/6/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

- Nghị quyết số 94/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019 quy định về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 và được tổ chức thực hiện trong thời hạn 03 năm kể ngày có hiệu lực thi hành.

- Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 và được tổ chức thực hiện trong thời hạn 03 năm kể ngày có hiệu lực thi hành.

- Chỉ thị số 03/CT-BTC ngày 19/3/2020 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Tình hình thực hiện xử lý nợ theo Luật Quản lý thuế**

Qua 01 năm triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế năm 2019 (Từ ngày 01/7/2020 đến ngày 30/6/2021), UBND tỉnh chưa ban hành quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt do không có trường hợp nào thuộc các trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quy định tại Điều 85 Luật này.

**2. Tình hình thực hiện xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 94/2019/QH14 (viết tắt là Nghị quyết số 94) quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:... Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp kết quả xử lý nợ hằng năm khi trình Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương”, UBND tỉnh đã thực hiện xử lý nợ cụ thể như sau:

- Xử lý khoanh nợ: Đã thực hiện khoanh nợ 713 người nộp thuế với số tiền được khoanh nợ là 71.017 triệu đồng.

- Xử lý xóa nợ: Đã thực hiện xóa nợ đối với 171 người nộp thuế với số tiền được xóa nợ là 12.349.442.837 đồng (*Có biểu tổng hợp các Quyết định kèm theo*).

### **3. Chi tiết kết quả thực hiện xử lý nợ của các đơn vị như sau:**

#### **3.1. Văn phòng Cục Thuế:**

Tại thời điểm 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng nộp NSNN là 259 người nộp thuế với tổng số tiền là 122.904 triệu đồng.

*Đã xử lý nợ:*

- Khoanh nợ (thẩm quyền Cục trưởng Cục Thuế tỉnh): 29 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 62.244 triệu đồng. Lý do khoanh nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94: "*Người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh ...*"

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): 23 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 10.841.910.454 đồng. Lý do xóa nợ theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

#### **3.2. Thành phố Bắc Kạn (Chi cục Thuế khu vực Bắc Kạn - Bạch Thông - Chợ Mới):**

Tại thời điểm 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng nộp NSNN là 508 người nộp thuế với tổng số tiền là 7.165 triệu đồng.

*Đã xử lý nợ:*

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): 138 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 6.632 triệu đồng. Lý do khoanh nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): 47 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 763.503.894 đồng. Trong đó:

+ 02 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 23.028.987 đồng. Lý do xóa nợ theo Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 94: "*Người nộp thuế có quyết định giải thể ... nhưng người nộp thuế chưa hoàn thành thủ tục giải thể*".

+ 41 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 312.347.395 đồng. Lý do xóa nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

+ 04 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 428.127.512 đồng. Lý do xóa nợ theo Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94: "*Người nộp thuế đã bị cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hành nghề theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế*".

### **3.3. Huyện Bạch Thông (Chi cục Thuế khu vực Bắc Kạn-Bạch Thông-Chợ Mới):**

Tại thời điểm 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng nộp NSNN là 56 người nộp thuế với tổng số tiền là 514 triệu đồng.

*Đã xử lý nợ:*

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): 16 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 294 triệu đồng. Lý do khoanh nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): 55 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 223.601.275 đồng. Lý do xóa nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

### **3.4. Huyện Chợ Mới (Chi cục Thuế khu vực Bắc Kạn-Bạch Thông-Chợ Mới):**

Tại thời điểm 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng nộp NSNN là 237 người nộp thuế với tổng số tiền là 732 triệu đồng.

*Đã xử lý nợ:*

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): 140 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 358 triệu đồng. Lý do khoanh nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): 15 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 142.387.084 đồng. Lý do xóa nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

### **3.5. Huyện Ba Bể (Chi cục Thuế khu vực Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nặm):**

Tại thời điểm 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng nộp NSNN là 5 người nộp thuế với tổng số tiền là 160 triệu đồng.

*Đã xử lý nợ:*

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): 05 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 104 triệu đồng. Lý do khoanh nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): 04 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 30.957.677 đồng. Lý do xóa nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

### **3.6. Huyện Ngân Sơn (Chi cục Thuế khu vực Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nặm):**

Tại thời điểm 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng nộp NSNN là 67 người nộp thuế với tổng số tiền là 433 triệu đồng.

*Đã xử lý nợ:*

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): 61 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 201 triệu đồng. Lý do khoanh nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): 04 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 55.364.706 đồng. Lý do xóa nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

### **3.7. Huyện Pác Nặm (Chi cục Thuế khu vực Ba Bể - Ngân Sơn - Pác Nặm):**

Tại thời điểm 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng nộp NSNN là 7 người nộp thuế với tổng số tiền là 10,3 triệu đồng.

*Đã xử lý nợ:*

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): 07 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 9 triệu đồng. Lý do khoanh nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): 02 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 1.286.100 đồng. Lý do xóa nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

### **3.8. Huyện Chợ Đồn (Chi cục Thuế huyện Chợ Đồn)**

Tại thời điểm 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng nộp NSNN là 57 người nộp thuế với tổng số tiền là 661 triệu đồng.

*Đã xử lý nợ:*

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): 23 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 399 triệu đồng. Lý do khoanh nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): 19 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 178.381.836 đồng. Trong đó:

+ 17 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 127.059.339 đồng. Lý do xóa nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

+ 02 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 51.322.497 đồng. Lý do xóa nợ theo Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94.

### **3.9. Huyện Na Rì (Chi cục Thuế huyện Na Rì)**

Tại thời điểm 30/6/2020, số người nộp thuế khó thu không còn khả năng nộp NSNN là 129 người nộp thuế với tổng số tiền là 1.025 triệu đồng.

*Đã xử lý nợ:*

- Khoanh nợ (thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Thuế): 145 người nộp thuế, số tiền khoanh nợ 706 triệu đồng. Lý do khoanh nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

- Xóa nợ (thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh): 02 người nộp thuế, số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ là 112.049.811 đồng. Lý do xóa nợ theo Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94.

## **4. Đánh giá chung**

### **4.1. Ưu điểm:**

- Trước khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 94, tình hình số nợ khó thu (nợ không còn khả năng nộp ngân sách) trên cả nước rất lớn và tỉnh Bắc Kạn có số nợ khó thu là 133.603 triệu đồng, trong đó tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là 57.070 triệu đồng. Đa số tiền nợ thuế khó thu và các khoản tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp phát sinh tương ứng trên đều là của các đơn vị đã bỏ kinh doanh,

không còn hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký, các đơn vị đã bị áp dụng hết các biện pháp cưỡng chế và đã bị cơ quan quản lý thuế đề nghị thu hồi hoặc đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp. Số nợ này không còn khả năng thu nộp ngân sách.

- Sau khi Nghị quyết số 94 được ban hành, việc thực hiện các nội dung khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đã làm hạn chế các khoản tiền chậm nộp ảo tăng lên và giảm số nợ có khả năng thu trên toàn tỉnh. Tính đến thời điểm báo cáo, sau 01 năm thực hiện Nghị quyết số 94 đã thực hiện giảm được 71.017/133.603 triệu đồng tiền thuế nợ khó thu không còn khả năng nộp NSNN.

Việc khoan nợ, xóa nợ theo Nghị quyết số 94 góp phần làm giảm số nợ khó thu không còn khả năng nộp NSNN, giảm tổng số tiền thuế nợ đồng thời giảm thời gian, công sức, chi phí cho việc quản lý theo dõi các khoản nợ này cho cơ quan thuế cũng như các cơ quan liên quan khác.

Mặt khác việc khoan nợ, xóa nợ theo Nghị quyết số 94 không phải là vĩnh viễn. Trong trường hợp cơ quan quản lý thuế và các cơ quan chức năng khác phát hiện người nộp thuế quay trở lại hoạt động sản xuất, kinh doanh thì sẽ hủy các Quyết định đã khoan nợ, xóa nợ trước đó và truy thu lại toàn bộ số tiền thuế nợ cũng như số tiền chậm nộp phát sinh tương ứng.

#### **4.2. Khó khăn, vướng mắc**

- Việc xác minh đối với trụ sở chính ở các tỉnh, thành phố khác của các doanh nghiệp có Chi nhánh hoạt động tại Bắc Kạn đã bỏ kinh doanh, không hoạt động tại địa chỉ đăng ký khó khăn, mất thời gian.

- Đối với một số trường hợp doanh nghiệp có khoản thuế nợ khó thu lớn, cơ quan quản lý thuế đã áp dụng hết biện pháp cưỡng chế, đã đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp nhưng chưa thể thu hồi hoặc đã thu hồi nhưng doanh nghiệp vẫn hoạt động khiến cho cơ quan quản lý thuế không thể thực hiện xử lý nợ theo quy định tại Nghị quyết số 94.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP XỬ LÝ NỢ TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO**

#### **1. Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14**

Xử lý khoan nợ, xóa nợ: Thực hiện khi có phát sinh, theo các văn bản quy định của pháp luật.

#### **2. Nghị quyết số 94**

##### **2.1. Phương hướng, nhiệm vụ xử lý nợ**

Nghị quyết số 94 được thực hiện trong 03 năm kể từ ngày 01/7/2020, trong năm đầu tiên đã thực hiện xử lý được 71.017/133.603 triệu đồng (tương ứng 53,2%) tiền thuế nợ khó thu.

Nhiệm vụ xử lý nợ trong thời gian tiếp theo:

- Trong 6 tháng cuối năm 2021: Xử lý được lũy kế 70% các khoản nợ khó thu

- Năm 2022: Xử lý được lũy kế 85% các khoản nợ khó thu
- Đến 30/6/2023 (hết thời hạn thực hiện Nghị quyết số 94): Phấn đấu thực hiện xử lý được trên 90% các khoản nợ khó thu.

## **2.2. Giải pháp thực hiện**

- Hàng năm Tổng cục Thuế giao chỉ tiêu thu nợ, xử lý nợ theo Nghị quyết số 94 cho Cục Thuế tỉnh, Cục Thuế tỉnh giao chỉ tiêu xử lý nợ đến từng Chi cục Thuế, từng cán bộ quản lý thuế.

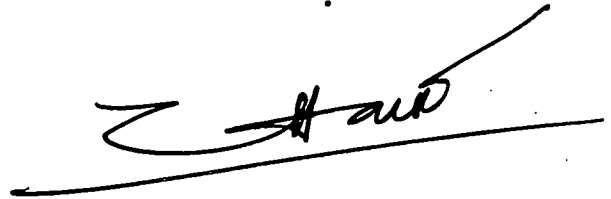
- Cơ quan quản lý thuế các cấp tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BTC để trình cấp có thẩm quyền xem xét, Quyết định khoan nợ, xóa nợ theo quy định.

Trên đây là Báo cáo tình hình kết quả xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Luật Quản lý thuế năm 2019 và Nghị quyết số 94, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

### **Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- CVP, PCVP (Ô. Nguyễn);
- Lưu: VT, Khởi, Tuyết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Long Hải**

**BIỂU QUYẾT ĐỊNH**  
**XÓA NỢ TIỀN PHẠT CHẬM NỘP, TIỀN CHẬM NỘP**  
*(Kèm theo Báo cáo số 431/BC-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

| STT            | Số Quyết định                              | Số người nộp thuế được xóa nợ | Số tiền (đồng)        | Lý do xóa nợ     |
|----------------|--|-------------------------------|-----------------------|------------------|
| 1              | Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 | 02                            | 51.322.497            | K5, Đ4, NQ số 94 |
| 2              | Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 | 17                            | 127.059.339           | K4, Đ4, NQ số 94 |
| 3              | Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 | 04                            | 428.127.512           | K5, Đ4, NQ số 94 |
| 4              | Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 | 02                            | 23.028.987            | K2, Đ4, NQ số 94 |
| 5              | Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 | 41                            | 312.347.395           | K4, Đ4, NQ số 94 |
| 6              | Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 | 10                            | 87.608.483            | K4, Đ4, NQ số 94 |
| 7              | Quyết định số 2444/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 | 02                            | 112.049.811           | K4, Đ4, NQ số 94 |
| 8              | Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 | 04                            | 4.270.624.221         | K4, Đ4, NQ số 94 |
| 9              | Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 | 08                            | 3.681.521.068         | K4, Đ4, NQ số 94 |
| 10             | Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 | 11                            | 2.889.765.165         | K4, Đ4, NQ số 94 |
| 11             | Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 31/5/2021   | 15                            | 142.387.084           | K4, Đ4, NQ số 94 |
| 12             | Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 31/5/2021   | 55                            | 223.601.275           | K4, Đ4, NQ số 94 |
| <b>Tổng số</b> |  | <b>171</b>                    | <b>12.349.442.837</b> |                  |